

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 61/2019/DS-ST

Ngày: 01/11/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà– Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/11/2019, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST – DS ngày 22/7/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST–DS ngày 23/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 458/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Út C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp HG, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964.

Bà Nguyễn Thị Phi H, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: hẻm A, tổ C, khu CX, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C có mặt; ông M, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Út C trình bày:**

Do quen biết nên ngày 17/11/2016, ông cho ông M, bà H vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 5%/tháng; Đến ngày 16/01/2017, ông cho vay tiếp 200.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 5%/tháng; Đến ngày 07/02/2017, ông cho bà H, ông M vay tiếp số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 5 tháng, lãi suất 5%/tháng; Ngày 28/5/2017, ông lại cho ông M, bà H vay 55.000.000đ, thời hạn 12 tháng, lãi suất 5%/tháng.

Trong thời gian vay, ông M, bà H không đóng tiền lãi cho ông theo thỏa thuận. Ông đã gặp, đòi nhiều lần nhưng ông M, bà H không có tiền trả. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M, bà H phải trả cho ông số tiền 555.000.000đ tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Phi H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; Ông M, bà H không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông M, bà H phải trả cho ông C số tiền nợ 555.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý vụ án và thẩm quyền giải quyết: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bị đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Phi H hiện cư trú tại thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Ngày 19/02/2019, ông Nguyễn Út C khởi kiện đối với ông M, bà H, Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật: Ngày 19/02/2019, ông Nguyễn Út C khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Phi H về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Phi H đã được Tòa án triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về số tiền nợ gốc:

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Út C thì do quen biết nên ông đã cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Phi H vay nhiều lần với tổng số tiền 555.000.000đ. Cụ thể: ngày 17/11/2016 cho vay 200.000.000đ, ngày 16/01/2017 cho vay 200.000.000đ; ngày 07/02/2017 cho vay 100.000.000đ; ngày 28/5/2017

cho vay 55.000.000đ. Do ông M, bà H không trả tiền lãi, tiền gốc theo thỏa thuận nên ông C khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông C đã cung cấp cho Tòa án 01 Hợp đồng vay không có biện pháp bảo đảm ngày 16/01/2017 và 01 Hợp đồng vay không có biện pháp bảo đảm ngày 07/02/2017 (bản sao chứng thực); 01 Hợp đồng vay vốn ngày 28/5/2017 và 01 Hợp đồng vay vốn ngày 11/01/2017 (bản chính); 01 Hợp đồng vay vốn ngày 17/11/2016 (bản chính).

Để làm rõ nội dung vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã triệu tập ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Phi H đến làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*

Do ông M, bà H cố tình vắng mặt nên chỉ có cơ sở chấp nhận các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được thể hiện: từ ngày 17/11/2016 tới ngày 28/5/2017, ông Nguyễn Út C cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Phi H vay tổng cộng 5 lần tiền. Ngày 17/11/2016 vay 200.000.000đ, ngày 16/01/2017 vay 200.000.000đ, ngày 07/02/2017 vay 100.000.000đ, ngày 28/5/2017 vay 55.000.000đ, ngày 11/01/2017 vay 50.000.000đ. Các lần vay hai bên đều lập hợp đồng bằng văn bản, riêng lần vay ngày 16/01/2017 và ngày 07/02/2017 các bên lập hợp đồng, đến Văn phòng C chứng Long Biên chứng thực hợp đồng.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ do ông C cung cấp thì việc ông M, bà H vay tiền của ông C là có thật. Các chứng cứ do ông C cung cấp đều là bản chính hoặc bản sao C chứng. Riêng lần vay ngày 11/01/2017, ông C không khởi kiện trong vụ án này nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Mặc dù ông M, bà H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Út C, buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Phi H phải trả lại cho ông Nguyễn Út C số tiền vay 555.000.000đ là phù hợp.

- Về tiền lãi:

Theo các hợp đồng vay tài sản mà ông C cung cấp cho Tòa án thì các bên thỏa thuận lãi suất 5 đến 6%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông C chưa nhận được tiền lãi, ông M và bà H không có ý kiến và quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, ông C không yêu cầu Tòa án tính lãi đối với số nợ vay nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí DSST: Ông M, bà H phải nộp án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông C được Tòa án chấp nhận là 26.200.000đ. Hoàn trả cho ông C 13.100.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 93, 95, 203, 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Út C.

Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Phi H phải trả cho ông Nguyễn Út C số tiền vay là 555.000.000đ (năm trăm năm mươi năm triệu đồng).

Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Phi H phải nộp 26.200.000đ. Hoàn trả cho ông Nguyễn Út C 13.100.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0005285 ngày 18/7/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông M, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung